

Phụ lục 1A

TÊN BÊN ĐI VAY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đăng ký khoản vay nước
ngoài được Chính phủ bảo lãnh

Tỉnh, Thành phố, ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CHÍNH PHỦ
BẢO LÃNH**

Kính gửi:

- Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-NHNN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh và các thông tư sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ thỏa thuận vay nước ngoài đã ký với bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày .../.../...;
- Căn cứ Thư bảo lãnh do Bộ Tài chính phát hành ngày/...../.....;

[Tên Bên đi vay] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước về khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của bên đi vay như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ BÊN ĐI VAY

1. Tên bên đi vay:
2. Mã số thuế:
3. Mã định danh của tổ chức:
4. Loại hình bên đi vay⁽¹⁾:
5. Địa chỉ:
6. Điện thoại:
- Email:
7. Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN KHOẢN VAY

1. Thông tin về bên cho vay

- 1.1 Tên bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay) ⁽²⁾:
- 1.2. Quốc gia của bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay):
- 1.3. Loại hình bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay):

2. Thông tin về các bên liên quan khác:

- 2.1. Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản:
Địa chỉ ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản:

2.2. Bên bảo lãnh khác:

+ Bảo lãnh bởi người cư trú:

+ Bảo lãnh bởi người không cư trú:

Quốc gia:

2.3. Bên liên quan khác⁽³⁾:

3. Mục đích vay

- 3.1. Mục đích vay⁽⁴⁾:
 - 3.2. Địa phương, nơi khoản vay sẽ được sử dụng:
 - 3.3. Các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của mục đích vay:
4. Ngày ký Thỏa thuận vay nước ngoài:

5. Giá trị khoản vay:

- Giá trị bằng số:
- Giá trị bằng chữ:

6. Đồng tiền thực hiện khoản vay:

- 6.1. Đồng tiền nhận nợ:
- 6.2. Đồng tiền rút vốn:
- 6.3. Đồng tiền trả nợ:

7. Hình thức vay:

8. Thời hạn vay:

9. Lãi suất vay⁽⁵⁾:

10. Các loại phí:

11. Lãi phạt:

12. Kế hoạch rút vốn:
13. Kế hoạch trả nợ gốc:
14. Kế hoạch trả nợ lãi:
15. Các biện pháp bảo đảm (nếu có):
16. Ngân hàng phục vụ giao dịch bảo đảm:
17. Dự kiến giá trị khoản giải ngân bằng ngoại tệ sẽ được bán cho TCTD được phép: (% khoản vay)
18. Dự kiến mua ngoại tệ trả nợ từ TCTD được phép: (% khoản vay)
19. Các nội dung khác (nếu có):

PHẦN THỨ BA: CAM KẾT

Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của bên đi vay) cam kết:

1. Chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin trong Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Bên đi vay;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA BÊN ĐI VAY**

(Ký tên, đóng dấu)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nhận công văn:

Hướng dẫn điền Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài:

(1) Chọn loại hình bên đi vay theo phân tổ sau:

- Đối với khối doanh nghiệp (không bao gồm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài):

+ Khối doanh nghiệp nhà nước: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (SOE); doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% đến dưới 100% vốn điều lệ (S50).

+ Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài từ 51% đến 100% vốn điều lệ (F51); Doanh nghiệp có từ 10% đến dưới 51% vốn đầu tư nước ngoài (F10).

+ Khối doanh nghiệp khác: Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, Doanh nghiệp khác (KHA)

- Đối với khối tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Khối ngân hàng thương mại có vốn đầu tư nước ngoài: Ngân hàng liên doanh, ngân hàng thương mại có 100% vốn nước ngoài; các tổ chức tín dụng phi ngân hàng có trên 50% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (FFI).

+ Khối tổ chức tín dụng có vốn nhà nước: Tổ chức tín dụng do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ (SFI)

+ Khối tổ chức tín dụng khác: OFI

(2) Ghi chính xác tên bên cho vay. Trường hợp khoản vay hợp vốn không có đại diện các bên cho vay (hoặc đại diện các bên cho vay không chịu trách nhiệm nhận tiền/chuyển tiền với bên đi vay), ghi rõ các thông tin tại mục này đối với từng bên cho vay, ghi chú bên cho vay chiếm đa số. Trường hợp khoản vay hợp vốn có đại diện các bên cho vay và đại diện bên cho vay sẽ chịu trách nhiệm làm đầu mối thanh toán chuyển tiền liên quan đến khoản vay (các bên cho vay cụ thể không trực tiếp chuyển tiền/nhận tiền với bên đi vay): ghi các thông tin của bên đại diện các bên cho vay. Trường hợp khoản vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không ghi danh, các thông tin về bên cho vay được thay thế bằng các thông tin về bên làm đại lý phát hành, đại lý ủy thác,... tùy theo cấu trúc phát hành

(3) Chỉ liệt kê các bên liên quan mà các dòng chuyển tiền giữa bên đi vay và các bên liên quan này. Trường hợp có các đại lý nhưng không có dòng tiền chuyển trực tiếp đến các bên đại lý đó thì không nêu tại mục này. Lưu ý các bên liên quan có thể là các doanh nghiệp được chia, tách từ bên đi vay ban đầu nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện khoản vay theo thỏa thuận về trách nhiệm liên đới giữa bên cho vay và các bên được chia, tách từ bên đi vay ban đầu.

(4) Trường hợp mục đích vay để thực hiện dự án đầu tư: Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định

về đầu tư; ... Trường hợp mục đích vay để tăng quy mô vốn theo phương án sử dụng vốn vay nước ngoài: ghi phương án sử dụng vốn vay nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Trường hợp mục đích vay để cơ cấu khoản nợ nước ngoài: ghi phương án cơ cấu khoản nợ nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

⁽⁵⁾ Ghi rõ mức lãi suất hoặc cách tính lãi, các tham chiếu cụ thể (nếu có).